

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL
Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492, 493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 160-11/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010
của Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2010, Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2010 được lập ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 27 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội với ý kiến chấp nhận từng phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng chứng minh những thông tin trong báo cáo tài chính tổng hợp; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến Kiểm toán viên

- Trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin được kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đưa ra các vấn đề ngoại trừ liên quan đến vấn đề sau: "Thu nhập và chi phí các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các bằng thanh toán định kỳ hàng quý được gửi đi hoặc nhận từ các công ty nhận hoặc nhượng tái bảo hiểm. Do việc nhận/gửi các bằng thanh toán của kỳ này thường được thực hiện trong kỳ tiếp theo nên có sự chênh lệch giữa thời điểm giao dịch phát sinh và thời điểm hạch toán thu nhập, chi phí. Vì vậy, phí nhượng tái bảo hiểm liên quan đến doanh thu phí bảo hiểm gốc thuộc phạm vi hợp đồng tái bảo hiểm cố định phát sinh trong quý 4 năm 2009 chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2009." Năm 2010 chính sách ghi nhận thu nhập và chi phí các hợp đồng tái bảo hiểm cố định chưa được điều chỉnh, theo đó, ý kiến này sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2010.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin cho năm tài chính 2010:

(a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

(b) Phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo những vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 "Hợp đồng Bảo hiểm" thì doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập và ghi nhận khoản dự phòng để bồi thường trong tương lai, nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính (Ví dụ: Dự phòng dao động lớn hay dự phòng đảm bảo cân đối). Tuy nhiên, hiện tại theo Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/3/2007 quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và môi giới bảo hiểm thì các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn và do Bộ Tài chính chưa có thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 nên Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho các năm tài chính 2009 và 2010. Ảnh hưởng của chuẩn mực này đến báo cáo tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành sau này.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14.1 phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ quá hạn thanh toán (bao gồm công nợ phải thu quá hạn của các hợp đồng còn hiệu lực và các hợp đồng đã hết hạn bảo hiểm) theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp". Nếu thực hiện hạch toán theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 "Hợp đồng bảo hiểm" và Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28/04/2009 thì Công ty sẽ phải ghi giảm doanh thu tương ứng với số dư công nợ phải thu quá hạn thanh toán.
- Như đã nêu tại Thuyết minh số 2 phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 sẽ tăng 59.862.062 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" được phản ánh trong mục Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2010 sẽ giảm đi một khoản tiền tương ứng.
- Công ty chưa áp dụng Chuẩn mực kế toán số 26 "Thông tin về các bên liên quan"

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười một (11) bản bằng tiếng Việt, bốn (04) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin giữ mười (10) bản tiếng Việt, ba (03) bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Dương Thúy Anh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1213/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+160)	100		278.142.663.431	319.255.104.020
I Tiền	110		16.649.843.631	9.681.940.166
1 Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	111		4.333.098.828	3.652.043.021
2 Tiền gửi ngân hàng	112		12.316.744.803	6.029.897.145
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	209.942.414.535	280.693.960.000
1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		80.936.979.613	26.065.200.000
2 Đầu tư ngắn hạn khác	128		129.350.000.000	255.150.000.000
3 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	129		(344.565.078)	(521.240.000)
III Các khoản phải thu	130		40.207.105.457	17.418.551.649
1 Phải thu của khách hàng	131	V.7.1	33.107.677.192	16.986.326.538
2 Trả trước cho người bán	132	V.7.2	955.200.587	290.774.373
3 Thuế GTGT được khấu trừ	133		219.570.851	3.164.900
5 Các khoản phải thu khác	138		6.241.796.162	138.285.838
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(317.139.335)	-
IV Hàng tồn kho	140		518.793.101	124.501.928
2 Nguyên liệu, vật liệu	142		437.048.833	110.984.628
3 Công cụ, dụng cụ	143		81.744.268	13.517.300
V Tài sản lưu động khác	150		10.824.506.707	11.336.150.277
1 Tạm ứng	151		6.906.995.472	2.344.213.752
2 Chi phí trả trước	152	V.3.	3.856.413.755	8.930.936.525
3 Tài sản thiếu chờ xử lý	153		97.480	-
4 Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	154		61.000.000	61.000.000
VI Chi sự nghiệp	160		-	-
B TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+230+240)	200		221.533.997.418	72.468.469.690
I Tài sản cố định	210		12.711.191.122	11.383.564.504
1 Tài sản cố định hữu hình	211	V.4.	11.382.019.721	9.435.530.230
- Nguyên giá	212		13.482.737.876	9.935.376.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(2.100.718.155)	(499.845.916)
3 Tài sản cố định vô hình	217	V.5.	1.329.171.401	1.948.034.274
- Nguyên giá	218		1.995.000.000	1.950.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(665.828.599)	(1.965.726)
II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	176.377.051.110	55.000.000.000
1 Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		145.107.051.110	-
3 Đầu tư dài hạn khác	228		31.270.000.000	55.000.000.000
III Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	26.240.000.000	63.950.000
IV Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		6.205.755.186	6.020.955.186
1 Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2 Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		205.755.186	20.955.186
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		499.676.660.849	391.723.573.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320+330+340)	300		179.604.239.588	83.646.938.517
I Nợ ngắn hạn	310		32.910.499.279	13.620.884.855
1 Vay ngắn hạn	311		-	-
2 Nợ dài hạn đến hạn trả	312		-	-
3 Phải trả cho người bán	313	V.7.3	15.331.649.959	3.600.771.406
4 Người mua trả tiền trước	314	V.7.4	6.195.032.758	460.104.435
5 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315		7.602.820.264	4.605.961.432
6 Phải trả công nhân viên	316		1.561.751.234	37.817.906
7 Phải trả cho các đơn vị nội bộ	317		-	-
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	V.9.	2.219.245.064	4.916.229.676
II Nợ dài hạn	320		-	-
III Dự phòng nghiệp vụ	330	V.10.	145.840.740.309	70.026.053.662
1 Dự phòng phí	331		105.597.880.240	54.784.874.356
2 Dự phòng toán học	332		-	-
3 Dự phòng bồi thường	333		29.942.287.466	11.653.281.496
4 Dự phòng giao động lớn	334		10.300.572.603	3.587.897.810
IV Nợ khác	340		853.000.000	-
1 Chi phí phải trả	341	V.8.	853.000.000	-
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		320.072.421.261	308.076.635.193
I Nguồn vốn, quỹ	410	V.11.	319.687.509.309	308.245.535.193
1 Nguồn vốn kinh doanh	411		300.000.000.000	300.000.000.000
3 Chênh lệch tỷ giá	413		59.862.062	-
6 Quỹ dự trữ bắt buộc	416		412.276.760	412.276.760
8 Lợi nhuận chưa phân phối	418		19.215.370.487	7.833.258.433
9 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419		-	-
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		384.911.952	(168.900.000)
1 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	431		-	-
2 Quỹ khen thưởng và phúc lợi	432		384.911.952	(168.900.000)
3 Quỹ khen thưởng và phúc lợi mang đi đầu tư	427		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		499.676.660.849	391.723.573.710

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thái Hằng

Đoàn Nguyên Ngọc



Bùi Đức Song

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1 Thu phí bảo hiểm gốc	01		275.314.550.609	142.544.979.192
2 Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		8.073.599.307	5.277.474.492
3 Các khoản giảm trừ	03		59.632.323.487	28.225.860.049
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		57.378.809.897	27.744.112.211
- Giảm phí bảo hiểm	05		315.051.917	-
- Hoàn phí bảo hiểm	06		1.938.461.673	481.747.838
- Các khoản giảm trừ khác	07		-	-
4 Tăng (giảm) dự phòng phí, dự phòng toán học	08		50.813.005.884	54.784.874.356
5 Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		17.612.389.824	8.783.953.564
6 Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		347.872.777	1.079.266
- Thu nhận tái bảo hiểm	11		-	-
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		4.465.500	-
- Thu khác (Giám định, đại lý...)	13		343.407.277	1.079.266
7 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14=01+02-03+/-08+09+10)	14		190.903.083.146	73.596.752.109
8 Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15		62.795.752.404	17.426.815.072
9 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm	16		1.229.930.537	2.606.639
10 Các khoản giảm trừ	17		8.136.934.949	88.163.908
- Thu bồi thường nhượng Tái bảo hiểm	18		8.066.654.949	87.363.908
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		10.000.000	800.000
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		60.280.000	-
11 Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21=15+16-17)	21		55.888.747.992	17.341.257.803
12 Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		-	-
13 Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		18.289.005.970	11.653.281.496
14 Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		6.712.674.793	3.587.897.810
15 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		33.490.501.640	16.409.713.824
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		31.435.496.123	15.085.704.394
+ Chi hoa hồng	27		26.791.522.471	13.814.069.024
+ Chi giám định tổn thất	28		1.067.424.550	398.674.664
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		-	-
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		218.756.421	2.153.000
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		1.959.786.778	562.153.081
+ Chi khác	33		1.398.005.903	308.654.625
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		1.928.037.296	1.324.009.430
+ Chi hoa hồng	35		1.914.722.027	1.324.009.430
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		7.038.159	-
+ Chi khác	38		6.277.110	-
- Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		93.600.039	-
- Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		33.368.182	-
16 Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41=21-22+/-23+24+25)	41		114.380.930.395	48.992.150.933
17 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42=14-41)	42		76.522.152.751	24.604.601.176

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(tiếp theo)

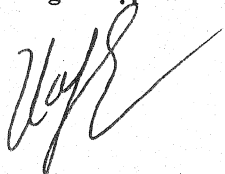
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
18 Chi phí bán hàng	43	V.1.	14.601.605.954	8.321.692.583
19 Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	V.2.	77.718.664.887	38.267.128.221
20 Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45=42-43-44)	45		(15.798.118.090)	(21.984.219.628)
21 Doanh thu hoạt động tài chính	46		55.320.742.715	35.126.101.064
22 Chi hoạt động tài chính	47		14.003.080.823	2.175.112.870
- Dự phòng toán học trích từ lãi đầu tư	48		-	-
- Dự phòng chia lãi	49		-	-
- Chi khác hoạt động tài chính	50		14.003.080.823	2.175.112.870
23 Lợi nhuận hoạt động tài chính (51=46-47)	51		41.317.661.892	32.950.988.194
24 Thu nhập hoạt động khác	52		129.768.310	5.517.182
25 Chi phí hoạt động khác	53		849.795	572.157
26 Lợi nhuận hoạt động khác (54=52-53)	54		128.918.515	4.945.025
27 Tổng lợi nhuận kế toán (55=45+51+54)	55		25.648.462.317	10.971.713.591
28 Các khoản điều chỉnh tăng (+) hoặc giảm (-) lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	56	VI.13.	83.905.000	(67.000.000)
29 Tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (57=55+/-56)	57		25.732.367.317	10.904.713.591
30 Dự phòng đảm bảo cân đối	58		-	-
31 Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (59=57-58)	59		25.732.367.317	10.904.713.591
32 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60		6.433.091.829	2.726.178.398
33 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61=59-60)	61		19.215.370.488	8.245.535.193
34 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20.	641	275

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2011

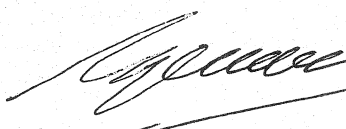
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Người lập



Nguyễn Thái Hằng

Kế toán trưởng



Đoàn Nguyên Ngọc

Tổng giám đốc



Bùi Đức Song

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Đơn vị tính: VND
		Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
I. Thuế (10=11+12+13+14+15+16+17+18+19)	10	4.605.961.432	29.069.262.000	26.072.403.168		7.602.820.264
1 Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ	11	1.535.887.184	20.302.569.255	20.318.594.291		1.519.862.148
2 Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-		-
3 Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-		-
4 Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-		-
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	2.726.178.398	6.433.091.830	3.469.035.293		5.690.234.935
6 Thu trên vốn	16	-	-	-		-
7 Thuế nhà đất	17	-	-	-		-
8 Tiền thuế đất	18	-	-	-		-
9 Các loại thuế khác	19	343.895.850	2.333.600.915	2.284.773.584		392.723.181
- Thuế môn bài	20	26.952.000	26.952.000	26.952.000		-
- Thuế khác	21	343.895.850	2.306.648.915	2.257.821.584		392.723.181
II. Các khoản phải nộp khác (30=31+32+33)	30	-	-	-		-
1 Các khoản phụ thu	31	-	-	-		-
2 Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-		-
3 Các khoản khác	33	-	-	-		-
Tổng cộng (40=10+30)	40	4.605.961.432	29.069.262.000	26.072.403.168		7.602.820.264

Người lập

Nguyễn Thái Hằng

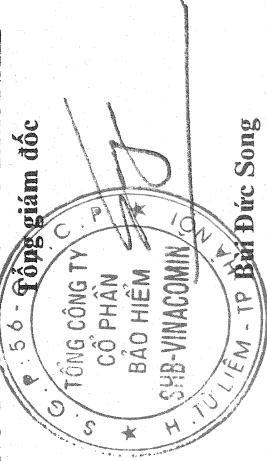
Kế toán trưởng

Đoàn Nguyên Ngọc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tổng giám đốc



H. TULIEM - TP. BAI DUC SONG

Mẫu số B 03 - DNBH

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền từ thu phí và hoa hồng	1		315.033.662.873	136.920.370.323
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	3		8.136.934.949	88.163.908
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4		10.863.442.914	4.425.703.236
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	5		(63.455.548.025)	(18.865.587.420)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	6		(82.134.128.155)	(48.152.850.035)
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	7		(145.656.957.176)	(33.333.953.825)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	8		(27.249.917.776)	(13.411.663.886)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	9		(25.254.549.649)	-
10. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	10		(5.114.963.819)	(11.977.257.501)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.832.023.864)	15.692.924.800
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21		1.827.270.174.335	545.300.000.000
2. Tiền thu lãi đầu tư	23		35.109.730.375	-
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	24		-	-
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	25		(1.808.091.343.612)	(855.448.000.000)
5. Tiền mua tài sản cố định	26		(3.592.361.730)	(11.178.054.288)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(22.881.272.040)	15.315.069.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		27.814.927.328	(306.010.984.634)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu do đi vay	31		-	-
2. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32		-	300.000.000.000
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33		-	-
4. Tiền đã trả nợ vay	34		-	-
5. Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	35		-	-
6. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36		(6.015.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.015.000.000)	300.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.967.903.465	9.681.940.166
Tiền tồn đầu kỳ	60		9.681.940.166	
Tiền tồn cuối kỳ	70	V.01	16.649.843.631	9.681.940.166

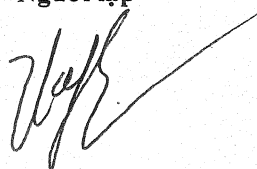
Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thái Hằng

Đoàn Nguyên Ngọc

Bùi Đức Song